

Số: 03 /2016/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 09/07/2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-NHNN ngày 04/05/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các TCTD phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 37/TTr-ĐTPT ngày 19 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 09/07/2014; Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 4, Điều 14 như sau:

“4. Sau khi có thông báo chấp thuận bảo lãnh: Bên bảo lãnh, Bên nhận bảo lãnh và Bên được bảo lãnh tiến hành ký văn bản dưới hình thức Hợp đồng bảo lãnh tín dụng để làm cơ sở cho Bên bảo lãnh phát hành văn bản dưới hình thức Chứng thư bảo lãnh theo quy định tại Điều 16 Quy định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:



“Điều 16. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng và Chứng thư bảo lãnh

1. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng:

a) Nội dung cơ bản của Hợp đồng bảo lãnh tín dụng:

- Tên, địa chỉ của bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh;
- Địa điểm, thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh tín dụng;
- Số tiền, thời hạn hiệu lực và phí bảo lãnh tín dụng;
- Mục đích, nội dung bảo lãnh tín dụng;
- Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
- Biện pháp bảo đảm bảo lãnh, giá trị tài sản bảo đảm;
- Quyền và nghĩa vụ các bên;
- Thỏa thuận về các nguyên tắc xử lý trong trường hợp bên bảo lãnh trả nợ thay (gồm lãi suất, thời hạn,...) cho bên được bảo lãnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Thỏa thuận về giải quyết tranh chấp phát sinh;
- Những thỏa thuận khác phù hợp quy định của pháp luật.

b) Khi có sự thay đổi các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, Bên nhận bảo lãnh và Bên được bảo lãnh có trách nhiệm thông báo cho Bên bảo lãnh xem xét chấp thuận việc điều chỉnh hợp đồng bảo lãnh. Hợp đồng bảo lãnh được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận.

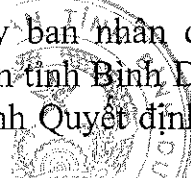
2. Chứng thư bảo lãnh:


a) Nội dung cơ bản của Chứng thư bảo lãnh bao gồm:


- Tên, địa chỉ của bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh;
- Ngày phát hành chứng thư bảo lãnh, số tiền bảo lãnh;
- Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; các trường hợp từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
- Thời hạn hiệu lực của chứng thư bảo lãnh;
- Ngoài các nội dung nêu trên, chứng thư bảo lãnh có thể có các nội dung khác như quyền, nghĩa vụ các bên, giải quyết tranh chấp và các thỏa thuận khác.
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận phù hợp với pháp luật và Quy định này.

b) Chứng thư bảo lãnh được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận”.

Điều 2. Đối với các hồ sơ được Quỹ thẩm định và quyết định cấp bảo lãnh tín dụng thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký với các bên có liên quan nhưng phải tuân thủ thực hiện đúng theo quy định pháp luật của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính; NHNN Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- TT.TU, TT.HĐND, ĐĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- LĐVP, Tạo, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


TRẦN THANH LIÊM

